

Bản án số: 43/2018/HN- ST
Ngày 29/5/2018
V/v: “Xin ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Xiêm

Ông Nguyễn Văn Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:*
Bà **Trần Thị Xuân Lan** – Kiểm sát viên.

Ngày **29** tháng **5** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2018/TLST-HN ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐST-HN ngày 08 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST-HN ngày 18/5/2018 giữa:

*** Nguyên đơn:**

Nguyễn Thị Th, sinh 1979; Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

*** Bị đơn:**

Nguyễn Văn Đ, sinh 1974; Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Vào năm 2005 do mai mối, nên tôi và Đ đã tiến tới hôn nhân, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc. Sau khi cưới nhau chúng tôi sống hạnh phúc trong thời gian dài có 01 con chung, nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng tôi thường xuyên đánh đập tôi, không chí thú làm ăn, chỉ lo cờ bạc, nên chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với Đ.

Quá trình sống chung chúng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Thị ngọc T, sinh 15/6/2006 tôi xin nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng

Tài sản chung, nợ chung không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/4/2018 bị đơn anh Đ trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện thành hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như vợ tôi trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn thừa nhận trước đây có đánh vợ một lần và cự cãi vài lần trong điện thoại, nên từ đó vợ chồng sống ly thân

Nay còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ nần ai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Về con chung: Đề nghị giao cháu T cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Chị Th cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Th có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị Th là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã N, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn anh Đ đã được tòa án triệu tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*** Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở mai mối nhưng anh chị tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị sống có hạnh phúc, có 01 con chung, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân bỏ mặt cho nhau cách nay khoảng 05 tháng. Tại tòa chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh Đ thì không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cả hai vợ chồng anh chị đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, nên từ đó anh chị sống ly thân, kể từ lúc anh chị sống ly thân đến nay, anh chị bỏ mặt cho nhau, không quan tâm lẫn nhau, không có thiện chí để tìm cách hàn gắn, đoàn tụ, ngoài ra trong các phiên tòa xét xử Tòa án đã triệu tập anh Đ rất nhiều lần để tạo điều kiện cho anh trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th cũng như những giải pháp anh đưa ra nhằm khắc phục những mâu thuẫn khi trở về đoàn tụ với chị Th để hội đồng xét xử xem xét, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh không có thiện chí muốn trở về đoàn tụ với chị Th, do đó nếu để anh chị tiếp tục chung sống với nhau thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần áp dụng điều 51, 56 luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp.

[2] Về con chung: anh chị có 01 con chung chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh 15/6/2006, tại phiên tòa chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu của chị Th phù hợp với nguyện vọng của cháu T sau khi được hỏi ý kiến, nên chấp nhận nhận, việc chị Th không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, nên không xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập.

[4] chị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th. Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị Th trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh 15/6/2006, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị Th, anh Đ được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Th chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0009142 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc là đủ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(1b);
- UBND xã Nhuận phú tân, MCB (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thanh Phong

